

Nha Trang, ngày 20 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai
số liệu quyết toán ngân sách năm 2024

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ VỊNH NHA TRANG

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 11/9/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Ban quản lý Vịnh Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn tổ chức Ban quản lý Vịnh Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của UBND thành phố Nha Trang về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Ban quản lý Vịnh Nha Trang giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho Ban quản lý Vịnh Nha Trang;

Căn cứ các văn bản, quy định pháp luật hiện hành.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán năm 2024 của Ban quản lý Vịnh Nha Trang (Theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Lãnh đạo ban, Trưởng các phòng, đội, kế toán Ban chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như điều 2;
- UBND Tp. Nha Trang;
- Phòng Tài chính- Kế hoạch;
- Lưu: VT, KT.

TRƯỞNG BAN

Đàm Hải Vân

Đơn vị báo cáo: BQL Vịnh Nha Trang

Mã QHNS: 1115657

BQL VỊNH NHA TRANG



**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
NĂM: 2024**

Đơn vị báo cáo: BQL Vịnh Nha Trang

Mã QHNS: 1115657

BQL VỊNH NHA TRANG

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
NĂM: 2024**

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025

Đơn vị: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 250 KHOẢN 271	LOẠI 280 KHOẢN 338	LOẠI 340 KHOẢN 351
A	B	C	1	2	3	4
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC					
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	01	4.673.085	3.298.085		1.375.000
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	02	4.673.085	3.298.085		1.375.000
	- Kinh phí đã nhận	03				
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	04	4.673.085	3.298.085		1.375.000
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	05				
	- Kinh phí đã nhận	06				
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	07				
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	08	14.908.748.562		14.908.748.562	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	09				
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	10	14.908.748.562		14.908.748.562	
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	11	14.913.421.647	3.298.085	14.908.748.562	1.375.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12	4.673.085	3.298.085		1.375.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	14.908.748.562		14.908.748.562	
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	14.907.948.562		14.907.948.562	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15				
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	14.907.948.562		14.907.948.562	
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	180.316.000		180.316.000	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18				
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	180.316.000		180.316.000	
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	20				
6.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21=22+23+24)	21				
	- Đã nộp NSNN	22				
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	23				
	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)	24				
6.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	25				
	- Đã nộp NSNN	26				
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)	27				
	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)	28				



STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 250 KHOẢN 271	LOẠI 280 KHOẢN 338	LOẠI 340 KHOẢN 351
A	B	C	1	2	3	4
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	29	14.733.105.647	3.298.085	14.728.432.562	1.375.000
7.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	30	4.673.085	3.298.085		1.375.000
	- Kinh phí đã nhận	31				
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	32	4.673.085	3.298.085		1.375.000
7.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	33	14.728.432.562		14.728.432.562	
	- Kinh phí đã nhận	34	14.727.632.562		14.727.632.562	
	- Dự toán còn lại ở Kho bạc	35	800.000		800.000	
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ					
III	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI					
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI					
C	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

Lập, ngày 31 tháng 01 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đàm Hải Vân



Mã chương: 799

Đơn vị báo cáo: Ban Quản Lý Vịnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Mẫu B03/BCQT

(Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025

A. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình người lao động:

1.1. Người lao động có mặt tại thời điểm báo cáo: 97 Người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): 12 Người
- Người lao động hợp đồng: 81 Người
- Người lao động hợp đồng NĐ 111: 04 Người

1.2. Tăng trong năm: 01 Người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): 0 Người
- Người lao động hợp đồng: 01 Người

1.3. Giảm trong năm: 06 Người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): 01 Người
- Người lao động hợp đồng: 05 Người

2. Thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ cơ bản:

Về cơ bản, hoàn thành.

Trong đó:

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi

a. Đánh giá chung: Về cơ bản, hoàn thành. Tổng số thu là 13.743.620.555đ, trong đó:

1. Tổng số thu phí Hòn Mun: 5.161.498.000đ
2. Tổng số thu phí dịch vụ qua đò: 4.808.337.000đ
3. Tổng số thu phí dịch vụ giữ xe: 1.187.696.000đ
4. Tổng số thu phí tài sản cho thuê: 2.586.089.555đ

b. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình, đề án, dự án lớn, CTMT quốc gia, CTMT:

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công:

3. Những công việc phát sinh đột xuất trong năm:

Về cơ bản, hoàn thành.

B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao (kinh phí năm trước chuyển sang, dự toán hủy bỏ không thực hiện, chi sai chế độ phải xuất toán,...):

2. Nguồn NSNN trong nước

2.1. Kinh phí đã nhận từ năm trước chuyển sang:

a) Kinh phí thường xuyên, tự chủ:

- + Tiền đã nhận nhưng chưa chi:
- + Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:
- + Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

Trong đó:



Nguồn CK:

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

- + Tiền đã nhận nhưng chưa chi:
- + Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp: 11.286.632.562
- + Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

Nguồn CK:

2.2. Dự toán giao năm nay:

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

- DT giao đầu năm: Trong đó nguồn CK
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm: Trong đó nguồn CK
 - + Điều chỉnh tăng:
 - + Điều chỉnh giảm:

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

- DT giao đầu năm: Trong đó nguồn CK
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm: 14.908.748.562 Trong đó nguồn CK
 - + Điều chỉnh tăng: 14.908.748.562
 - + Điều chỉnh giảm:
- Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

2.3. Kinh phí thực nhận trong năm: 14.907.948.562

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ: Trong đó nguồn CK

Trong đó:

- + Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao:
- + Nhận từ lệnh chi tiền cấp vào tài khoản tiền gửi:
- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 14.907.948.562 Trong đó nguồn CK

Trong đó:

- + Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao: 14.907.948.562
- + Nhận từ lệnh chi tiền cấp vào tài khoản tiền gửi:
- Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

2.4. Kinh phí giảm trong năm :

- Nguồn NSNN giảm: Lý do giảm:
- Trong đó nguồn CK giảm: Lý do giảm:

2.5. Kinh phí đã nhận chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:

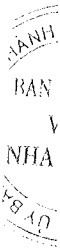
a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

- + Tiền đã nhận nhưng chưa chi:
- + Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:
- + Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn CK

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 14.727.632.562



- + Tiền đã nhận nhưng chưa chi:
- + Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp: 14.727.632.562
- + Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

Nguồn CK:

3. Nguồn viện trợ

3.1. Dự toán được giao năm nay:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
 - + Điều chỉnh tăng:
 - + Điều chỉnh giảm:

3.2. Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm:

- Nhận viện trợ bằng tiền về đơn vị:
- Nhận viện trợ bằng hàng hóa:
- Nhận viện trợ chuyển thẳng cho nhà cung cấp:
- Nhận viện trợ khác:

4. Nguồn vay nợ nước ngoài

4.1. Dự toán được giao năm nay:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
 - + Điều chỉnh tăng:
 - + Điều chỉnh giảm:

4.2. Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN (chi tiết)

II. Tình hình thu phí, lệ phí và sử dụng nguồn phí được khấu trừ, để lại

1. Tình hình thu phí, lệ phí:

STT	Nội dung	Tổng số thu	Số phải nộp NSNN	Số phí được khấu trừ, để lại	Ghi chú

Trong đó:

- Số phí được khấu trừ, để lại phân bổ cho chi thường xuyên: 5.165.574.000
- Số phí được khấu trừ, để lại phân bổ cho chi không thường xuyên:

2. Tình hình thực hiện chi từ nguồn phí được khấu trừ để lại

2.1. Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang:

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ :61.084.633
- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ :

Trong đó: Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao:

2.2. Dự toán được giao năm nay:

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm: 5.165.574.000

PHỐ

QUẬN

TỈNH

TRÁ

A. VC

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

- DT giao đầu năm:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

2.3. Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán:

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 5.175.171.487

- Sử dụng phục vụ thu phí:

- Sử dụng cho hoạt động khác của đơn vị:

- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

- Sử dụng phục vụ thu phí:

- Sử dụng cho hoạt động khác của đơn vị:

2.4. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 51.487.146

- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

Trong đó: Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao:

III. Nguồn hoạt động khác được để lại

1. Tên nguồn kinh phí được để lại:

Kinh phí được để lại theo số ngày của

2. Số thu trong năm:

Trong đó:

- Số nộp NSNN:

- Số nộp cấp trên:

- Số được để lại đơn vị:

3. Dự toán được giao năm nay:

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

- DT giao đầu năm:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

- Dự toán giao đầu năm:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

IV. Thuyết minh khác

1. Chi tiền lương: 6.608.071.934

1.1. Chi từ nguồn NSNN trong nước: 2.902.027.548

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): 2.902.027.548

- Chi cho người lao động theo hợp đồng 68:

1.2. Chi từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):

- Chi cho người lao động theo hợp đồng 68:

1.3. Chi từ nguồn phí được khấu trừ, để lại: 1.556.580.683

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): 1.556.580.683

- Chi cho người lao động theo hợp đồng 68:

1.4. Chi từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ: 2.149.463.703

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): 2.149.463.703

- Chi cho người lao động theo hợp đồng 68:

1.5. Chi từ nguồn khác:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):

- Chi cho người lao động theo hợp đồng 68:

2. Trích lập và sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương:

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó			
			Nguồn NSNN	Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn sản xuất kinh doanh, dịch vụ	Nguồn khác
I	Số dư năm trước mang sang	602.025.763	0	0	602.025.763	0
II	Trích lập	0	0	0	0	0
III	Sử dụng	602.025.763	0	0	602.025.763	0
1	Sử dụng cho cải cách tiền lương	0	0	0	0	0
2	Sử dụng cho đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn và thực hiện cơ chế tự chủ	0	0	0	0	0
IV	Số dư chuyển năm sau	0	0	0	0	0

3. Chi NSNN bằng ngoại tệ (nếu có):

Trong đó thuyết minh các nội dung chi từ nguồn NSNN bằng ngoại tệ như: Chi hoạt động của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, chi đoàn ra, chi đóng niêm liễn, chi đào tạo ở nước ngoài, chi mua sắm thiết bị nhập khẩu, chi các vụ kiện:

4. Thuyết minh khác:

C. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ: Không

Trên đây là báo cáo của Ban quản lý Vịnh Nha Trang./.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

KÊ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

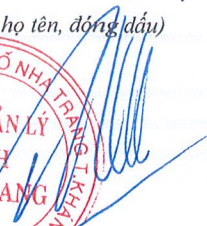


Đoàn Thị Thoa

Lập, ngày tháng năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đàm Hải Vân

Đơn vị: Ban Quản Lý Vịnh Nha Trang

Mã QHNS: 1115657

Mẫu số S05-H

(Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Từ ngày: 01/01/2024 đến ngày: 31/01/2025

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH
Từ ngày: 01/01/2024 đến ngày: 31/01/2025

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu tháng		Điều chỉnh số dư đầu năm		Số phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	A. CÁC TÀI KHOẢN TRONG BẢNG								
111	Tiền mặt					6.145.344.007	6.145.344.007		
1111	Tiền Việt Nam					6.145.344.007	6.145.344.007		
112	Tiền gửi ngân hàng, kho bạc	401.400.011				21.802.720.711	21.493.489.311	710.631.411	
1121.3511	Tiền Việt Nam					5.165.574.000	5.063.352.000	102.222.000	
1121.3712	Tiền Việt Nam	114.086.671				5.621.568.000	5.679.559.029	56.095.642	
1121.3713	Tiền Việt Nam	71.992.470				1.630.089.980	1.580.508.242	121.574.208	
1121.3714	Tiền Việt Nam	89.953.066				9.379.974.138	9.170.069.940	299.857.264	
1121NHCS	Tiền Việt Nam	47.949.654				5.514.593		53.464.247	
1121QĐT	Tiền Việt Nam	77.418.150					100	77.418.050	
137	Tạm chi					4.753.063.738		4.753.063.738	
1378	Tạm chi khác					4.753.063.738		4.753.063.738	
211	Tài sản cố định hữu hình	90.048.653.419				19.378.208.774	19.150.999.561	90.275.862.632	
2111	Nhà cửa, vật kiến trúc	61.659.854.412				15.815.304.021	177.385.225	77.297.773.208	
2112	Phương tiện vận tải	3.070.326.000				3.434.610.753	179.642.760	6.325.293.993	
2118	Tài sản cố định hữu hình khác	25.318.473.007				128.294.000	18.793.971.576	6.652.795.431	
213	Tài sản cố định vô hình	103.705.401.969				335.000.000	252.500.000	103.787.901.969	
2131	Quyền sử dụng đất	103.316.401.969				240.000.000		103.556.401.969	
2135	Phần mềm ứng dụng	389.000.000				95.000.000	252.500.000	231.500.000	

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu tháng		Điều chỉnh số dư đầu năm		Số phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
214	Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ		27.284.571.259			16.626.147.594	21.964.386.849		32.622.810.514
2141	<i>Khấu hao và hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình</i>		27.179.971.259			16.613.647.594	21.925.186.849		32.491.510.514
2142	<i>Khấu hao và hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình</i>		104.600.000			12.500.000	39.200.000		131.300.000
332	Các khoản phải nộp theo lương					2.759.211.103	2.759.211.103		
332	<i>Các khoản phải nộp theo lương</i>					2.754.488.943	2.754.488.943		
3323	<i>Kinh phí công đoàn</i>					4.722.160	4.722.160		
333	Các khoản phải nộp nhà nước					971.405.552	971.405.552		
33311	<i>Thuế GTGT đầu ra</i>					427.245.878	427.245.878		
3334	<i>Thuế thu nhập, doanh nghiệp</i>					482.179.149	482.179.149		
3337	<i>Thuế khác</i>					61.680.525	61.680.525		
3338	<i>Các khoản phải nộp nhà nước khác</i>					300.000	300.000		
334	Phải trả người lao động					6.608.071.934	6.608.071.934		
3341	<i>Phải trả công chức, viên chức</i>					6.608.071.934	6.608.071.934		
337	Tạm thu					5.795.574.000	5.885.548.240		89.974.240
3373	<i>Tạm thu phí, lệ phí</i>					5.165.574.000	5.165.574.000		
3378	<i>Tạm thu khác</i>					630.000.000	719.974.240		89.974.240
338	Phải trả khác					719.785.000	719.785.000		
3388	<i>Phải trả khác</i>					719.785.000	719.785.000		
366	Các khoản nhận trước chưa ghi thu		166.451.904.129			41.115.386.410	36.086.856.368		161.423.374.087
36611	<i>Giá trị còn lại của TSCĐ</i>		166.451.904.129			41.115.386.410	36.086.856.368		161.423.374.087
421	Thặng dư (thâm hụt) lũy kế	7.116.191.485				10.163.396.332	22.639.288.758		5.359.700.941
4212	<i>Thặng dư (thâm hụt) từ hoạt động SXKD, dịch vụ</i>	7.116.191.485				9.282.848.090	21.833.863.376		5.434.823.801
4213	<i>Thặng dư (thâm hụt) từ hoạt động tài chính</i>						101.610		101.610
4218	<i>Thặng dư (thâm hụt) từ hoạt động khác</i>					880.548.242	805.323.772	75.224.470	

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu tháng		Điều chỉnh số dư đầu năm		Số phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
431	Các quỹ		6.933.145.733			7.899.563.922	998.018.157		31.599.968
4311	Quỹ khen thưởng		207.019.377			249.335.377	42.316.000		
4312	Quỹ phúc lợi		288.041.443			288.041.443			
4313	Quỹ bổ sung thu nhập		209.261.797			209.261.797			
4314	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		6.228.823.116			6.903.589.928	706.366.780		31.599.968
4318	Quỹ khác					249.335.377	249.335.377		
468	Nguồn cải cách tiền lương		602.025.763			602.025.763			
468	Nguồn cải cách tiền lương		602.025.763			602.025.763			
511	Thu hoạt động do NSNN cấp					9.730.126.790	9.730.126.790		
5111	Thường xuyên					6.108.810.790	6.108.810.790		
5112	Không thường xuyên					3.621.316.000	3.621.316.000		
514	Thu phí được khấu trừ, để lại					5.165.574.000	5.165.574.000		
514	Thu phí được khấu trừ, để lại					5.165.574.000	5.165.574.000		
515	Doanh thu tài chính					101.610	101.610		
515	Doanh thu tài chính					101.610	101.610		
531	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ					8.828.232.520	8.828.232.520		
531	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ					8.828.232.520	8.828.232.520		
611	Chi phí hoạt động					10.610.675.032	10.610.675.032		
61113	Chi phí hao mòn TSCĐ					6.108.810.790	6.108.810.790		
61121	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên					3.235.302.457	3.235.302.457		
61128	Chi phí hoạt động khác					1.266.561.785	1.266.561.785		
614	Chi phí hoạt động thu phí					5.207.564.029	5.207.564.029		
6141	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên					2.701.503.609	2.701.503.609		
6142	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng					367.429.470	367.429.470		
6148	Chi phí hoạt động khác					2.138.630.950	2.138.630.950		

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu tháng		Điều chỉnh số dư đầu năm		Số phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
642	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ					8.260.645.013	8.260.645.013		
6421	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên					3.885.571.233	3.885.571.233		
6422	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng					377.887.819	377.887.819		
6428	Chi phí hoạt động khác					3.997.185.961	3.997.185.961		
711	Thu nhập khác					297.563.601	297.563.601		
7118	Thu nhập khác					297.563.601	297.563.601		
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					482.179.149	482.179.149		
8211	Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành					482.179.149	482.179.149		
911	Xác định kết quả					33.692.033.935	33.692.033.935		
9111	Xác định kết quả hoạt động hành chính, sự nghiệp					15.776.249.032	15.776.249.032		
9112	Xác định kết quả hoạt động SXKD, dịch vụ					17.626.585.492	17.626.585.492		
9113	Xác định kết quả hoạt động tài chính					101.610	101.610		
9118	Xác định kết quả hoạt động khác					289.097.801	289.097.801		
Cộng		201.271.646.884	201.271.646.884			227.949.600.519	227.949.600.519	199.527.459.750	199.527.459.750
	B. CÁC TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG								
008	Dự toán chi hoạt động	4.673.085				14.908.748.562	14.907.948.562	5.473.085	
00821	Dự toán chi thường xuyên	4.673.085						4.673.085	
00822	Dự toán chi không thường xuyên					14.908.748.562		14.908.748.562	
008221	Tạm ứng						14.727.632.562		14.727.632.562
008222	Thực chi						180.316.000		180.316.000
014	Phí được khấu trừ, để lại	61.084.633				5.165.574.000	5.175.171.487	51.487.146	
0141	Chi thường xuyên	61.084.633				5.165.574.000	5.175.171.487	51.487.146	
Cộng		65.757.718				20.074.322.562	20.083.120.049	56.960.231	

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

Mã chương 799

Đơn vị báo cáo: Ban Quản Lý Vĩnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

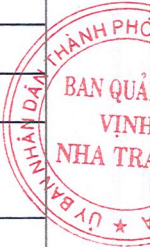
Phụ biểu F01-01/BCQT

(Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CHI TIẾT CHI TỪ NGUỒN NSNN VÀ NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐỂ LẠI

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn NSNN			NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐỂ LẠI	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI
						NSNN trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				I. Kinh phí thường xuyên/ tự chủ	5.175.171.487				5.175.171.487	
280	338				5.175.171.487				5.175.171.487	
		6100		Phụ cấp lương	346.554.645				346.554.645	
			6101	Phụ cấp chức vụ	346.554.645				346.554.645	
		6300		Các khoản đóng góp	243.044.055				243.044.055	
			6301	Bảo hiểm xã hội	234.234.234				234.234.234	
			6303	Kinh phí công đoàn	8.809.821				8.809.821	
		6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	1.035.322.548				1.035.322.548	
			6501	Tiền điện	1.001.434.345				1.001.434.345	
			6502	Tiền nước	33.888.203				33.888.203	
		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	78.830.347				78.830.347	
			6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	75.770.347				75.770.347	
			6605	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	3.060.000				3.060.000	
		7750		Chi khác	3.471.419.892				3.471.419.892	
			7799	Chi các khoản khác	3.471.419.892				3.471.419.892	
				II. Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	180.316.000	180.316.000				
280	338				180.316.000	180.316.000				



Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn NSNN			NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐỂ LẠI	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI
						NSNN trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
		6750		Chi phí thuê mướn	11.000.000	11.000.000				
			6799	Chi phí thuê mướn khác	11.000.000	11.000.000				
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	169.316.000	169.316.000				
			7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	169.316.000	169.316.000				
				TỔNG CỘNG	5.355.487.487	180.316.000			5.175.171.487	

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ và tên)



Đoàn Thị Thoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ và tên)



Đoàn Thị Thoa

Lập, ngày 31 tháng 01 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đàm Hải Vân



Tên cơ quan cấp trên: UBND thành phố Nha Trang

Đơn vị báo cáo: Ban quản lý vịnh Nha Trang

Mẫu B01/BCTC

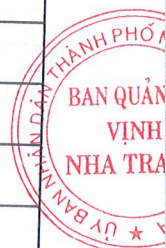
(Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Tại ngày 30 tháng 5 năm 2025)

Đơn vị tính: đồng chẵn.

STT	Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	D	1	2
	TÀI SẢN				
I	TIỀN	01	III/1	710.631.411	401.400.011
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	05	123		
III	Các khoản phải thu	10	III/2, IV/2	4.753.063.738	
1	Phải thu khách hàng	11			
2	Trả trước cho người bán	12			
3	Phải thu nội bộ	13			
4	Các khoản phải thu khác	14		4.753.063.738	
IV	Hàng tồn kho	20	III/3		
V	Đầu tư tài chính dài hạn	25			
VI	Tài sản cố định	30	III/4	161.440.954.087	166.469.484.129
1	Tài sản cố định hữu hình	31		57.784.352.118	62.868.682.160
	- Nguyên giá	32		90.275.862.632	90.048.653.419
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	33		-32.491.510.514	-27.179.971.259
2	Tài sản cố định vô hình	35		103.656.601.969	103.600.801.969
	- Nguyên giá	36		103.787.901.969	103.705.401.969
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	37		-131.300.000	-104.600.000
VII	Xây dựng cơ bản dở dang	40	III/5		
VIII	Tài sản khác	45	III/6		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (50= 01+05+10+20+25+30+40+45)	50		166.904.649.236	166.870.884.140



STT	Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	NGUỒN VỐN				
I	Nợ phải trả	60	III/11	161.513.348.327	166.451.904.129
1	Phải trả nhà cung cấp	61			
2	Các khoản nhận trước của khách hàng	62			
3	Phải trả nội bộ	63			
4	Phải trả nợ vay	64			
5	Tạm thu	65		89.974.240	
6	Các quỹ đặc thù	66			
7	Các khoản nhận trước chưa ghi thu	67		161.423.374.087	166.451.904.129
8	Nợ phải trả khác	68			
II	Tài sản thuần	70	III/15	5.391.300.909	418.980.011
1	Nguồn vốn kinh doanh	71			
2	Thặng dư / thâm hụt lũy kế	72		5.359.700.941	-7.116.191.485
3	Các quỹ	73		31.599.968	6.933.145.733
4	Tài sản thuần khác	74			602.025.763
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (80= 60 + 70)		80		166.904.649.236	166.870.884.140

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

Lập, ngày tháng 5 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đàm Hải Vân

Tên cơ quan cấp trên: UBND thành phố Nha Trang

Đơn vị báo cáo: Ban quản lý vịnh Nha Trang

Mẫu B02/BCTC

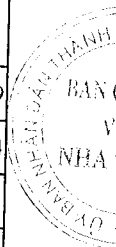
(Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025

Đơn vị tính: đồng chẵn.

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01	IV/1/1.1	14.895.700.790	17.964.250.595
	a. Từ NSNN cấp	02	IV/1/1.1/a	9.730.126.790	14.903.504.595
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04		5.165.574.000	3.060.746.000
2	Chi phí (05=06+07+08)	05	IV/1/1.2	15.260.023.061	18.070.664.311
	a. Chi phí hoạt động	06	IV/1/1.2/a, IV/1/1.2/b	10.610.675.032	14.903.504.595
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07	IV/1/1.2/c		
	c. Chi phí hoạt động thu phí	08	IV/1/1.2/d	4.649.348.029	3.167.159.716
3	Thặng dư, thâm hụt (09=01-05)	09		(364.322.271)	(106.413.716)
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ				
1	Doanh thu	10	IV/2/a	8.400.986.642	5.934.997.329
2	Chi phí	11	IV/2/b	8.260.645.013	5.812.367.954
3	Thặng dư / Thâm hụt (12=10-11)	12		140.341.629	122.629.375
III	Hoạt động tài chính				
1	Doanh thu	20	IV/3/a	101.610	12.262.363
2	Chi phí	21	IV/3/b		
3	Thặng dư / thâm hụt (22=20-21)	22		101.610	12.262.363
IV	Hoạt động khác				
1	Thu nhập khác	30	IV/4/a	289.097.801	
2	Chi phí khác	31	IV/4/b		



STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
3	Thặng dư / thâm hụt (32=30-31)	32		289.097.801	
V	Chi phí thuế TNDN	40	IV/5	482.179.149	109.400.090
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50		(416.960.380)	(80.922.068)
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51			
2	Phân phối cho các quỹ	52			17.580.000
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

Lập, ngày tháng ... năm 2025
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đàm Hải Vân



Tên cơ quan cấp trên: UBND thành phố Nha Trang

Đơn vị báo cáo: Ban quản lý vịnh Nha Trang

Mẫu B03a/BCTC

(Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025

Đơn vị tính: đồng chẵn.

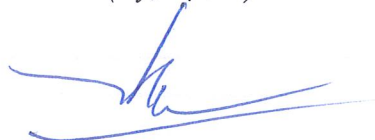
STT	Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG CHÍNH				
1	Các khoản thu	01		16.301.152.490	
	-Tiền Ngân sách nhà nước cấp	02			
	-Tiền thu từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03			
	-Tiền thu từ nguồn phí, lệ phí	04		5.165.574.000	
	- Tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	05		8.828.232.520	
	-Tiền thu khác	06		2.307.345.970	
2	Các khoản chi	10		-15.992.022.700	
	-Tiền chi lương, tiền công và chi khác cho nhân viên	11		-4.510.304.099	
	-Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	12		-7.467.371.238	
	-Tiền chi khác	13		-4.014.347.363	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính	20		309.129.790	
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	21			
2	Tiền thu từ các khoản đầu tư	22		101.610	12.262.363
3	Tiền chi XDCB, mua tài sản cố định	23			-17.580.000
4	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	24			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		101.610	-5.317.637



STT	Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1	Tiền thu từ các khoản đi vay	31			
2	Tiền thu từ vốn góp	32			
3	Tiền thu hoàn trả gốc vay	33			
4	Tiền thu hoàn trả vốn góp	34			
5	Cổ tức/lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35			
	Lưu chuyển tiền thuần hoạt động tài chính	40			
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		309.231.400	-31.419.598
V	Số dư đầu kỳ	60		401.400.011	432.819.609
VI	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	70			
VII	Số dư cuối kỳ	80		710.631.411	401.400.011

NGƯỜI LẬP BIỂU

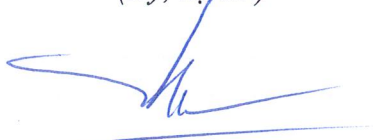
(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

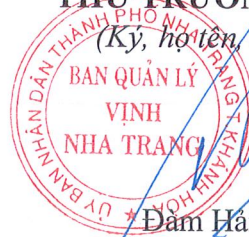


Đoàn Thị Thoa

Lập, ngày 31. tháng 1 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đàm Hải Vân



Tên cơ quan cấp trên: UBND thành phố Nha Trang

Đơn vị báo cáo: Ban quản lý vịnh Nha Trang

Mẫu B03b/BCTC

(Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025

Đơn vị tính: đồng chẵn.

STT	Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG CHÍNH				
	Thặng dư/thâm hụt trong năm	01		-416.960.380	-80.922.068
	Điều chỉnh cho các khoản không phát sinh bằng tiền				
1	Khấu hao TSCĐ trong năm	02		21.964.386.849	
2	Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá	03			
3	Lãi/Lỗ từ các khoản đầu tư	04			
4	Tăng/giảm các khoản nợ phải trả	05		-4.938.555.802	54.257.460.641
5	Tăng/giảm hàng tồn kho	06			
6	Tăng/giảm các khoản phải thu	07		-4.753.063.738	
7	Thu khác từ hoạt động chính	08		2.307.345.970	546.415.637
8	Chi khác từ hoạt động chính	09		-13.854.023.109	-54.749.056.171
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính	10		309.129.790	-26.101.961
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	21			
2	Tiền thu từ các khoản đầu tư	22		101.610	12.262.363
3	Tiền chi XD CB, mua tài sản cố định	23			-17.580.000
4	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	24			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		101.610	-5.317.637



III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1	Tiền thu từ các khoản đi vay	31			
2	Tiền nhận vốn góp	32			
3	Tiền hoàn trả gốc vay	33			
4	Tiền hoàn trả vốn góp	34			
5	Cổ tức/lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		309.231.400	-31.419.598
V	Số dư tiền đầu kỳ	60		401.400.011	432.819.609
VI	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	70			
VII	Số dư tiền cuối kỳ	80		710.631.411	401.400.011

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

Lập, ngày tháng ... năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đàm Hải Vân



ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP 1:

ĐƠN VỊ KT TRUNG GIAN 1:

ĐƠN VỊ KT TRUNG GIAN 2:

ĐƠN VỊ KẾ TOÁN CƠ SỞ: Ban quản lý vịnh Nha Trang

Mã chương:

Mẫu số B01/BSTT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2018/TT-BTC
ngày 01/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO BỔ SUNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH

I. Phân tích số liệu để loại trừ giao dịch nội bộ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Tổng số	Quan hệ giao dịch					
				Trong đơn vị kế toán trung gian 2	Trong đơn vị kế toán trung gian 1	Trong đơn vị dự toán cấp 1	Ngoài đơn vị dự toán cấp 1 - trong cùng tỉnh	Ngoài đơn vị dự toán cấp 1 (khác tỉnh, khác Bộ, ngành) - trong lĩnh vực kế toán nhà nước	Ngoài khu vực nhà nước
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
A	Phân tích số liệu để lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp								
I	Khoản đầu tư tài chính vào đơn vị khác	01							
	- Ngắn hạn	02							
	- Dài hạn	03							
II	Các khoản phải thu	05	4,753,063,738						
1	Phải thu khách hàng	06							4,753,063,738
2	Trả trước cho người bán	07							
3	Các khoản phải thu khác	08	4,753,063,738						
III	Nợ phải trả	10							4,753,063,738
1	Phải trả nhà cung cấp	11							
2	Các khoản nhận trước của khách hàng	12							
3	Nợ phải trả khác	18							

IV	Nguồn vốn nhận đầu tư từ đơn vị khác	20							
	- Ngắn hạn	21							
	- Dài hạn	22							
B	Phân tích số liệu để lập báo cáo kết hợp hoạt động tổng hợp								
1	Doanh thu từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	50							
2	Doanh thu từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	51	5,165,574,000						5,165,574,000
3	Doanh thu hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ	52	8,400,986,642						8,400,986,642
4	Thu nhập khác	53	289,097,801						289,097,801
5	Chi phí hoạt động	60	10,610,675,032						10,610,675,032
6	Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	61							
7	Chi phí hoạt động thu phí	62	4,649,348,029						4,649,348,029
8	Chi phí khác	63							
C	Phân tích số liệu để lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp								
1	Khấu hao TSCĐ	70	21,964,386,849						
2	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	71							
3	Tiền nhận vốn góp	72							

Lưu ý: Chi tiêu Khấu hao TSCĐ - mã số 70 chỉ lập báo cáo cho cột tổng số

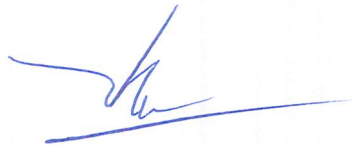
II. Bổ sung thông tin thuyết minh tài chính

STT	Chi tiêu	Năm nay
1	Thuyết minh tài sản khác	
1.1	Tài sản ngắn hạn khác	
1.2	Tài sản dài hạn khác	
2	Thuyết minh nợ phải trả khác	
2.1	Nợ phải trả ngắn hạn khác	
2.2	Nợ phải trả dài hạn khác	
3	Thuyết minh chi tiết chi tiêu chi phí hoạt động theo nguồn	
3.1	<i>Chi phí từ nguồn NSNN</i>	10,610,675,032
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	10,610,675,032
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	3,235,302,457
	- Chi phí hao mòn TSCĐ	
	- Chi phí hoạt động khác	6,108,810,790
3.2	<i>Chi phí từ nguồn hoạt động khác được để lại (không thuộc nguồn NSNN)</i>	1,266,561,785
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	
	- Chi phí khấu hao/ hao mòn TSCĐ	
	- Chi phí hoạt động khác	
4	Thuyết minh chi tiết chi tiêu Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
4.1	<i>Chi từ nguồn viện trợ</i>	
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	
	- Chi phí hao mòn TSCĐ	
	- Chi phí hoạt động khác	
4.2	<i>Chi vay nợ nước ngoài</i>	
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	

HỌ
 TÊN
 NE
 KA
 14

	- Chi phí hao mòn TSCĐ	
	- Chi phí hoạt động khác	
5	Thuyết minh chi tiết chỉ tiêu Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	8,260,645,013
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	3,885,571,233
	- Chi phí khấu hao/hao mòn TSCĐ	377,887,819
	- Chi phí hoạt động khác	
6	Thuyết minh chi tiết chỉ tiêu Tiền thu từ các khoản đầu tư (Báo cáo LCTT)	3,997,185,961
	- Tiền thu gốc	101,610
	- Tiền thu lãi	
		101,610

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

NGƯỜI KIỂM SOÁT
(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

Lập, ngày tháng ... năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đàm Hải Vân



Tên cơ quan cấp trên: UBND thành phố Nha Trang
Đơn vị báo cáo: Ban quản lý vịnh Nha Trang

Mẫu B04/BCTC
(Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/01/2025

I. Thông tin khái quát

Đơn vị:
QĐ thành lập số ngày
Tên cơ quan cấp trên trực tiếp:
Thuộc đơn vị cấp 1:
Loại hình đơn vị:

Quyết định giao tự chủ tài chính số ngày của
Chức năng nhiệm vụ chính của đơn vị:

II.Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của đơn vị được thành lập theo hướng dẫn của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.
Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam. Các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán trong suốt các kỳ kế toán được trình bày trên báo cáo tài chính.
Báo cáo tài chính này là của bản thân đơn vị kế toán chưa bao gồm thông tin của các đơn vị kế toán cấp dưới trực thuộc.
Báo cáo tài chính của đơn vị đã được phê duyệt để phát hành vào ngày .

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính
Đơn vị tính: đồng chẵn.

1. Tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt		
- Tiền gửi kho bạc		
- Tiền gửi ngân hàng	710.631.411	710.631.411
- Tiền đang chuyển		
Tổng cộng tiền:	710.631.411	710.631.411

2. Các khoản phải thu khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Tạm chi:	4.753.063.738	4.753.063.738
- Tạm chi thu nhập tăng thêm		
- Tạm chi từ dự toán ứng trước		
- Tạm chi khác	4.753.063.738	4.753.063.738
b. Tạm ứng cho nhân viên		
c. Thuế GTGT được khấu trừ:		

- Đối với hàng hóa, dịch vụ		
- Đối với TSCĐ		
d. Chi phí trả trước		
d. Đặt cọc, ký quỹ, ký cược		
e. Phải thu khác:		
- Phải thu tiền lãi		
- Phải thu cổ tức/lợi nhuận		
- Phải thu các khoản phí và lệ phí		
- Các khoản phải thu khác		
Tổng các khoản phải thu khác:	4.753.063.738	4.753.063.738

3. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu vật liệu		
- Công cụ dụng cụ		
- Chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ dở dang		
- Sản phẩm		
- Hàng hóa		
Tổng hàng tồn kho:		

4. Tài sản cố định

Tài sản cố định của đơn vị được trình bày theo nguyên giá (giá gốc);
 giá trị còn lại = Nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế và khấu hao lũy kế.

Tỷ lệ trích hao mòn và khấu hao thực hiện theo số ngày
 của

Chi tiết	Tổng cộng	TSCĐ hữu hình	TSCĐ vô hình
Nguyên giá	194.063.764.601	109.426.862.193	103.800.401.969
Số dư đầu năm	194.063.764.601	109.426.862.193	103.800.401.969
Tăng trong năm			
Giảm trong năm			
Giá trị hao mòn, khấu hao lũy kế	32.622.810.514	32.491.510.514	131.300.000
Giá trị còn lại cuối năm	161.440.954.087	76.935.351.679	103.669.101.969

5. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Mua sắm TSCĐ (chi tiết theo từng tài sản)		
b. XDCB dở dang (chi tiết theo từng công trình)		
c. Nâng cấp TSCĐ (chi tiết theo từng tài sản)		
Tổng giá trị xây dựng dở dang		

6. Tài sản khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Đã trả lớn hơn số phải nộp về các khoản phải nộp theo lương		
Đã trả lớn hơn số phải nộp về tiền thuế		
Đã trả lớn hơn số phải nộp về các khoản phải trả người lao động		

ANH
BAN
VHA
BAC

Tổng giá trị tài sản khác		
---------------------------	--	--

7. Phải trả nợ vay

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn		
- Vay dài hạn		
Tổng các khoản vay		

8. Tạm thu

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí hoạt động bằng tiền		
- Viện trợ, vay nợ nước ngoài		
- Tạm thu phí, lệ phí		
- Ứng trước dự toán		
- Tạm thu khác	89.974.240	89.974.240
Tổng các khoản tạm thu trong năm	89.974.240	89.974.240

9. Các quỹ đặc thù

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng các quỹ đặc thù		

10. Các khoản nhận trước chưa ghi thu

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. NSNN cấp	161.423.374.087	161.423.374.087
- Giá trị còn lại của TSCĐ	161.423.374.087	161.423.374.087
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho		
b. Viện trợ, vay nợ nước ngoài		
- Giá trị còn lại của TSCĐ		
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho		
c. Phí được khấu trừ, để lại		
- Giá trị còn lại TSCĐ		
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho		
d. Kinh phí đầu tư XD CB		
Tổng các khoản nhận trước chưa ghi thu	161.423.374.087	161.423.374.087

11. Nợ phải trả khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Các khoản phải nộp theo lương		
- Bảo hiểm xã hội		
- Bảo hiểm y tế		
- Kinh phí công đoàn		
- Bảo hiểm thất nghiệp		
b. Các khoản phải nộp nhà nước		
- Thuế GTGT phải nộp		
+ Thuế GTGT đầu ra		
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu		

- Phí, lệ phí		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế thu nhập cá nhân		
- Thuế khác		
- Các khoản phải nộp nhà nước khác (chi tiết)		
c. Phải trả người lao động		
- Phải trả cho công chức, viên chức		
- Phải trả cho người lao động khác		
d. Các khoản thu hộ, chi hộ		
đ. Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược		
e. Nợ phải trả khác		
Tổng các khoản nợ phải trả khác		

12. Nguồn vốn kinh doanh

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Do NSNN cấp		
- Vốn góp (chi tiết đơn vị góp vốn)		
- Khác (Chi tiết)		
Tổng nguồn vốn kinh doanh		

13. Các quỹ

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ khen thưởng		
- Quỹ phúc lợi		
- Quỹ bổ sung thu nhập		
- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	31.599.968	31.599.968
- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
Tổng các quỹ	31.599.968	31.599.968

14. Tài sản thuần khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
- Nguồn cải cách tiền lương		
- Tài sản thuần khác		
Tổng tài sản thuần khác		

15. Biến động nguồn vốn

Chỉ tiêu	Các khoản mục thuộc nguồn vốn						Cộng
	Nguồn vốn kinh doanh	Chênh lệch tỷ giá	Thặng dư (thâm hụt) lũy kế	Các quỹ	Nguồn cải cách tiền lương	Khác	
Số dư đầu năm			5.359.700.941	31.599.968			5.391.300.909
Tăng trong năm							
Giảm trong năm							
Số dư cuối năm			5.359.700.941	31.599.968			5.391.300.909

- Thuyết minh khác về nguồn vốn (lý do tăng giảm,...)

16. Các thông tin khác đơn vị thuyết minh thêm

IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động

1. Hoạt động hành chính, sự nghiệp

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
1.1. Doanh thu		32.859.951.385
a. Từ NSNN cấp:		24.633.631.385
- Thường xuyên		11.998.811.996
- Không thường xuyên		12.634.819.389
- Hoạt động khác		
b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài:		
- Thu viện trợ		
- Thu vay nợ nước ngoài		
c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại		8.226.320.000
- Phân bổ cho hoạt động thường xuyên		3.060.746.000
- Phân bổ cho hoạt động không thường xuyên		5.165.574.000
1.2. Chi phí		33.330.687.372
a. Chi phí hoạt động thường xuyên		12.190.811.701
- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		176.879.705
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		1.916.283.152
- Chi phí hao mòn TSCĐ		10.082.528.844
- Chi phí hoạt động khác		15.120.000
b. Chi phí hoạt động không thường xuyên		13.323.367.926
- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		4.158.422.752
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		
- Chi phí hao mòn TSCĐ		
- Chi phí hoạt động khác		9.164.945.174
c. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nước ngoài		
- Chi từ nguồn viện trợ		
- Chi vay nợ nước ngoài		
d. Chi phí hoạt động thu phí		7.816.507.745
- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		2.634.658.659
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		365.540.470
- Chi phí khấu hao TSCĐ		
- Chi phí hoạt động khác		4.816.308.616

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
a. Doanh thu (chi tiết theo yêu cầu quản lý)		14.335.983.971
b. Chi phí		14.073.012.967
- Giá vốn hàng bán		
- Chi phí quản lý		14.073.012.967

+ Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		4.278.930.901
+ Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		377.887.819
+ Chi phí khấu hao TSCĐ		
+ Chi phí hoạt động khác		9.416.194.247

3. Hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
a. Doanh thu (chi tiết theo yêu cầu quản lý)		12.363.973
b. Chi phí (chi tiết theo yêu cầu quản lý)		

4. Hoạt động khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
a. Thu nhập khác (chi tiết từng hoạt động)		289.097.801
b. Chi phí khác (chi tiết từng hoạt động)		

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		591.579.239
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm hiện hành.		
Cộng		591.579.239

6. Phân phối cho các quỹ

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Quỹ khen thưởng		
- Quỹ phúc lợi		
- Quỹ bổ sung thu nhập		
- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		17.580.000
- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
- Quỹ khác (chi tiết)		
Tổng số đã phân phối cho các quỹ trong năm		17.580.000

7. Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Bổ sung thu nhập cho CBCC và người lao động		
- Chi khen thưởng		
- Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể		
Tổng số đã sử dụng kinh phí tiết kiệm		

8. Thông tin thuyết minh khác

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng nhận nợ		

- Tài sản được cấp từ cấp trên		
- Tài sản nhận chuyển giao từ đơn vị khác		
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu		
- Các giao dịch phi tiền tệ khác		
Cộng		

2. Các khoản tiền đơn vị nắm giữ nhưng không được sử dụng

Phản ánh các khoản tiền đơn vị nắm giữ nhưng không được sử dụng như tiền của dự án, tiền mua hàng hóa vật tư dự trữ nhà nước, tiền của các quỹ tài chính,... do đơn vị nắm giữ không tính vào kinh phí hoạt động của đơn vị nhưng được hạch toán chung vào sổ sách kế toán với kinh phí hoạt động của đơn vị.

- Tiền của dự án A

- Tiền của quỹ ...

-....

3. Thuyết minh khác cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ

VI. Thông tin thuyết minh khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2. Thông tin về các bên liên quan:

Đơn vị trình bày thông tin xét thấy cần thiết phải thuyết minh về mối quan hệ với các bên có liên quan có tồn tại quyền kiểm soát với đơn vị, bất kể có nghiệp vụ với các bên đó có phát sinh hay không.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo năm trước

Đơn vị phải cung cấp thông tin về bản chất và ước tính ảnh hưởng đến số liệu đã báo cáo, và các khoản không thể ước tính, của những sự kiện không điều chỉnh phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng trọng yếu đáng kể đến số liệu đã báo cáo.

4. Thông tin thay đổi so với báo cáo tài chính kỳ trước

Đơn vị thuyết minh các thay đổi như các chính sách tài chính, cách thức ghi chép,..... ảnh hưởng khác biệt đến số liệu báo cáo tài chính so với kỳ trước

5. Thông tin khác:

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Đoàn Thị Thoa

Lập, ngày tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đàm Hải Vân

Mã chương: 799
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang
Mã ĐVQHNS: 1115657
Mã cấp NS: 3

Người ký: Cao Huy Bình
Ngày ký: 10/02/2025 09:06:32
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hoà
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ
đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
13	351	00000	1.375.000	0	0	0	1.375.000	0	0	0	0	0	1.375.000
13	271	00000	3.298.085	0	0	0	3.298.085	0	0	0	0	0	3.298.085
12	338	00000	0	0	14.002.748.562	14.002.748.562	14.002.748.562	14.001.948.562	14.001.948.562	0	0	0	800.000
15	338	00000	0	0	906.000.000	906.000.000	906.000.000	906.000.000	906.000.000	0	0	0	0
Cộng:			4.673.085	0	14.908.748.562	14.908.748.562	14.913.421.647	14.907.948.562	14.907.948.562	0	0	0	5.473.085
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.
Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 10 tháng 2 năm 2025

Kế toán
Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Le Thi Khanh Thuy02

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 7 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Bình Cao Huy
Ngày ký: 10/02/2025 09:00:37
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP-KBNN Cảnh Hồ

Bình Cao Huy

Người ký: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 07/02/2025 15:47:57
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Hòa Trung

Đoàn Thị Thoa

Người ký: Đàm Hải Vân
Ngày ký: 07/02/2025 16:15:11
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Hòa Trung

Đàm Hải Vân

Mã chương: 799

Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Mã cấp NS: 3

Người ký: Cao Huy Bình
Ngày ký: 10/02/2025 17:05:10
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hoà
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ
đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	338	6001	00000	973.289.258	973.289.258	0	0	973.289.258	973.289.258
Lương hợp đồng theo chế độ	12	338	6003	00000	931.902.675	931.902.675	0	0	931.902.675	931.902.675
Lương khác	12	338	6049	00000	10.331.700	10.331.700	0	0	10.331.700	10.331.700
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	338	6051	00000	1.533.022.210	1.533.022.210	0	0	1.533.022.210	1.533.022.210
Tiền công khác	12	338	6099	00000	2.117.725.022	2.117.725.022	0	0	2.117.725.022	2.117.725.022
Phụ cấp chức vụ	12	338	6101	00000	69.647.218	69.647.218	0	0	69.647.218	69.647.218
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	12	338	6107	00000	15.228.000	15.228.000	0	0	15.228.000	15.228.000
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	338	6113	00000	3.808.395	3.808.395	0	0	3.808.395	3.808.395
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	338	6115	00000	4.880.170	4.880.170	0	0	4.880.170	4.880.170
Bảo hiểm xã hội	12	338	6301	00000	710.206.559	710.206.559	0	0	710.206.559	710.206.559
Bảo hiểm y tế	12	338	6302	00000	98.346.154	98.346.154	0	0	98.346.154	98.346.154
Kinh phí công đoàn	12	338	6303	00000	39.434.892	39.434.892	0	0	39.434.892	39.434.892
Bảo hiểm thất nghiệp	12	338	6304	00000	37.080.615	37.080.615	0	0	37.080.615	37.080.615
Các khoản đóng góp khác	12	338	6349	00000	8.488.304	8.488.304	0	0	8.488.304	8.488.304
Chi khác	12	338	6449	00000	2.041.390	2.041.390	0	0	2.041.390	2.041.390
Chi các khoản khác	12	338	7799	00000	7.266.200.000	7.266.200.000	0	0	7.266.200.000	7.266.200.000

Chi phí thuê mướn khác	12	338	6799	00000	0	0	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	12	338	7012	00000	0	0	169.316.000	169.316.000	169.316.000	169.316.000
Lương theo ngạch, bậc	15	338	6001	00000	109.950.750	109.950.750	0	0	109.950.750	109.950.750
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	15	338	6051	00000	25.047.828	25.047.828	0	0	25.047.828	25.047.828
Tiền công khác	15	338	6099	00000	762.367.118	762.367.118	0	0	762.367.118	762.367.118
Phụ cấp chức vụ	15	338	6101	00000	7.330.050	7.330.050	0	0	7.330.050	7.330.050
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	15	338	6113	00000	468.000	468.000	0	0	468.000	468.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	15	338	6115	00000	836.254	836.254	0	0	836.254	836.254
Cộng:					14.727.632.562	14.727.632.562	180.316.000	180.316.000	14.907.948.562	14.907.948.562
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 10 tháng 2 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Bình Cao Huy
Ngày ký: 10/02/2025 17:05:10
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hòa

Bình Cao Huy

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 10 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 10/02/2025 16:15:49
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Hòa Trung

Người ký: Đàm Hải Vân
Ngày ký: 10/02/2025 16:19:55
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Hòa Trung

Đoàn Thị Thoa

Đàm Hải Vân

Mã chương: 799

Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Mã cấp NS: 3

Người ký: Cao Huy Bình
Ngày ký: 15/10/2024 17:32:03
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hoà
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ
đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 3 /Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
13	351	00000	1.375.000	0	0	0	1.375.000	0	0	0	0	0	1.375.000
13	271	00000	3.298.085	0	0	0	3.298.085	0	0	0	0	0	3.298.085
12	338	00000	0	0	0	14.002.748.562	14.002.748.562	0	13.821.632.562	0	0	0	181.116.000
Cộng:			4.673.085	0	0	14.002.748.562	14.007.421.647	0	13.821.632.562	0	0	0	185.789.085
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 15 tháng 10 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Bình Cao Huy
Ngày ký: 15/10/2024 17:32:03
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hoà

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 15 tháng 10 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đoàn Thị Thuà
Ngày ký: 15/10/2024 08:48:38
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Người ký: Huỳnh Bình Thảo
Ngày ký: 15/10/2024 08:49:57
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Bình Cao Huy

Đoàn Thị Thoa

Huỳnh Bình Thái

Mã chương: 799

Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Mã cấp NS: 3

Người ký: Cao Huy Bình
Ngày ký: 15/10/2024 17:32:13
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hoà
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ
đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 3 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	338	6001	00000	0	973.289.258	0	0	0	973.289.258
Lương hợp đồng theo chế độ	12	338	6003	00000	0	931.902.675	0	0	0	931.902.675
Lương khác	12	338	6049	00000	0	10.331.700	0	0	0	10.331.700
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	338	6051	00000	0	1.533.022.210	0	0	0	1.533.022.210
Tiền công khác	12	338	6099	00000	0	2.117.725.022	0	0	0	2.117.725.022
Phụ cấp chức vụ	12	338	6101	00000	0	69.647.218	0	0	0	69.647.218
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	12	338	6107	00000	0	15.228.000	0	0	0	15.228.000
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	338	6113	00000	0	3.808.395	0	0	0	3.808.395
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	338	6115	00000	0	4.880.170	0	0	0	4.880.170
Bảo hiểm xã hội	12	338	6301	00000	0	710.206.559	0	0	0	710.206.559
Bảo hiểm y tế	12	338	6302	00000	0	98.346.154	0	0	0	98.346.154
Kinh phí công đoàn	12	338	6303	00000	0	39.434.892	0	0	0	39.434.892
Bảo hiểm thất nghiệp	12	338	6304	00000	0	37.080.615	0	0	0	37.080.615
Các khoản đóng góp khác	12	338	6349	00000	0	8.488.304	0	0	0	8.488.304
Chi khác	12	338	6449	00000	0	2.041.390	0	0	0	2.041.390
Chi các khoản khác	12	338	7799	00000	0	7.266.200.000	0	0	0	7.266.200.000

Cộng:	0	13.821.632.562	0	0	0	13.821.632.562
Phần KBNN ghi:						

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 15 tháng 10 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Binh Cao Huy
Ngày ký: 15/10/2024 17:32:13
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hòa

Binh Cao Huy

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 15 tháng 10 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 15/10/2024 08:41:58
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Núi Tráng

Người ký: Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 15/10/2024 08:42:41
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Núi Tráng

Đoàn Thị Thoa

Huỳnh Bình Thái

Mã chương: 799

Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Mã cấp NS: 3

Người ký: Cao Huy Bình
Ngày ký: 02/07/2024 16:17:15
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hoà
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ
đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
13	351	00000	1.375.000	0	0	0	1.375.000	0	0	0	0	0	1.375.000
13	271	00000	3.298.085	0	0	0	3.298.085	0	0	0	0	0	3.298.085
12	338	00000	0	0	181.116.000	14.002.748.562	14.002.748.562	0	13.821.632.562	0	0	0	181.116.000
Cộng:			4.673.085	0	181.116.000	14.002.748.562	14.007.421.647	0	13.821.632.562	0	0	0	185.789.085
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 7 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Huỳnh Cao Huy
Ngày ký: 02/07/2024 16:17:15
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hoà

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 7 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đoàn Thị Thu
Ngày ký: 02/07/2024 16:17:27
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Người ký: Huỳnh Bình Thuận
Ngày ký: 02/07/2024 16:17:27
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Mã chương: 799

Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Mã cấp NS: 3

Người ký: Cao Huy Bình
Ngày ký: 02/07/2024 16:17:32
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hoà
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ
đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	338	6001	00000	0	973.289.258	0	0	0	973.289.258
Lương hợp đồng theo chế độ	12	338	6003	00000	0	931.902.675	0	0	0	931.902.675
Lương khác	12	338	6049	00000	0	10.331.700	0	0	0	10.331.700
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	338	6051	00000	0	1.533.022.210	0	0	0	1.533.022.210
Tiền công khác	12	338	6099	00000	0	2.117.725.022	0	0	0	2.117.725.022
Phụ cấp chức vụ	12	338	6101	00000	0	69.647.218	0	0	0	69.647.218
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	12	338	6107	00000	0	15.228.000	0	0	0	15.228.000
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	338	6113	00000	0	3.808.395	0	0	0	3.808.395
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	338	6115	00000	0	4.880.170	0	0	0	4.880.170
Bảo hiểm xã hội	12	338	6301	00000	0	710.206.559	0	0	0	710.206.559
Bảo hiểm y tế	12	338	6302	00000	0	98.346.154	0	0	0	98.346.154
Kinh phí công đoàn	12	338	6303	00000	0	39.434.892	0	0	0	39.434.892
Bảo hiểm thất nghiệp	12	338	6304	00000	0	37.080.615	0	0	0	37.080.615
Các khoản đóng góp khác	12	338	6349	00000	0	8.488.304	0	0	0	8.488.304
Chi khác	12	338	6449	00000	0	2.041.390	0	0	0	2.041.390
Chi các khoản khác	12	338	7799	00000	0	7.266.200.000	0	0	0	7.266.200.000

Cộng:	0	13.821.632.562	0	0	0	13.821.632.562
Phần KBNN ghi:						

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 7 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Bình Cao Huy
Ngày ký: 02/07/2024 10:17:32
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VPKBNN Khánh Hòa

Bình Cao Huy

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 7 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 02/07/2024 10:17:19
Đơn vị: Ban quản lý Vườn Nhà Tráng

Đoàn Thị Thoa

Người ký: Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 02/07/2024 10:39:55
Đơn vị: Ban quản lý Vườn Nhà Tráng

Huỳnh Bình Thái

Mã chương: 799

Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Mã cấp NS: 3

Người ký: Hồng Bảo Hoa
Ngày ký: 31/05/2024 07:22:21
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hoà
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 1 /Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
13	351	00000	1.375.000	0	0	0	1.375.000	0	0	0	0	0	1.375.000
13	271	00000	3.298.085	0	0	0	3.298.085	0	0	0	0	0	3.298.085
12	338	00000	0	0	13.821.632.562	13.821.632.562	13.821.632.562	13.821.632.562	13.821.632.562	0	0	0	0
Cộng:			4.673.085	0	13.821.632.562	13.821.632.562	13.826.305.647	13.821.632.562	13.821.632.562	0	0	0	4.673.085
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 31 tháng 5 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Hồng Bảo Hoa
Ngày ký: 31/05/2024 07:22:21
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hoà

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 30 tháng 5 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đoàn Thị Thuà
Ngày ký: 30/05/2024 07:50:45
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Người ký: Huỳnh Minh Thuận
Ngày ký: 30/05/2024 09:07:35
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Hoa Hong bao

Đoàn Thị Thoa

Huỳnh Bình Thái

Mã chương: 799

Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Mã cấp NS: 3

Người ký: Hồng Bảo Hoa
Ngày ký: 31/05/2024 07:22:32
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hoà
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 / Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	338	6001	00000	973.289.258	973.289.258	0	0	973.289.258	973.289.258
Lương hợp đồng theo chế độ	12	338	6003	00000	931.902.675	931.902.675	0	0	931.902.675	931.902.675
Lương khác	12	338	6049	00000	10.331.700	10.331.700	0	0	10.331.700	10.331.700
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	338	6051	00000	1.533.022.210	1.533.022.210	0	0	1.533.022.210	1.533.022.210
Tiền công khác	12	338	6099	00000	2.117.725.022	2.117.725.022	0	0	2.117.725.022	2.117.725.022
Phụ cấp chức vụ	12	338	6101	00000	69.647.218	69.647.218	0	0	69.647.218	69.647.218
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	12	338	6107	00000	15.228.000	15.228.000	0	0	15.228.000	15.228.000
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	338	6113	00000	3.808.395	3.808.395	0	0	3.808.395	3.808.395
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	338	6115	00000	4.880.170	4.880.170	0	0	4.880.170	4.880.170
Bảo hiểm xã hội	12	338	6301	00000	710.206.559	710.206.559	0	0	710.206.559	710.206.559
Bảo hiểm y tế	12	338	6302	00000	98.346.154	98.346.154	0	0	98.346.154	98.346.154
Kinh phí công đoàn	12	338	6303	00000	39.434.892	39.434.892	0	0	39.434.892	39.434.892
Bảo hiểm thất nghiệp	12	338	6304	00000	37.080.615	37.080.615	0	0	37.080.615	37.080.615
Các khoản đóng góp khác	12	338	6349	00000	8.488.304	8.488.304	0	0	8.488.304	8.488.304
Chi khác	12	338	6449	00000	2.041.390	2.041.390	0	0	2.041.390	2.041.390
Chi các khoản khác	12	338	7799	00000	7.266.200.000	7.266.200.000	0	0	7.266.200.000	7.266.200.000

Cộng:	13.821.632.562	13.821.632.562	0	0	13.821.632.562	13.821.632.562
Phần KBNN ghi:						

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 31 tháng 5 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Hoa Hong bao
Ngày ký: 31/05/2024 07:22:32
Cơ sở làm: Phòng trưng phòng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hòa

Hoa Hong bao

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 30 tháng 5 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 30/05/2024 09:13:46
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Núi Trảng

Người ký: Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 30/05/2024 07:00:34
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Núi Trảng

Đoàn Thị Thoa

Huỳnh Bình Thái

ĐƠN VỊ (hoặc CHỦ ĐẦU TƯ): Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

MÃ ĐVSDNS: 1115657

MÃ CHƯƠNG: 799, CẤP NS: 3

MÃ KBNN GIAO DỊCH: 2061

Người ký: Cao Huy Bình
Ngày ký: 26/02/2024 10:46:18
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Khánh Hoà
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ
đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20f

Ký hiệu: 04-SDKP/ĐVDT

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CỦA CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA
NĂM 2023 CHUYỂN SANG NĂM 2024**

(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách, chủ đầu tư thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan Kho bạc Nhà nước)

Đơn vị: đồng

STT	Đơn vị	Tính chất nguồn kinh phí(1)	Loại, Khoản	Dự toán năm được chi				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 năm sau	Dự toán bị hủy	Số dự tại thời điểm 31/01 được chuyển sang năm sau	
				Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang(2)	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh(3)			Số dư dự toán được chuyển nguồn	Số dư tạm ứng
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9	10	11=5-9-10	12
1	CHI THƯỜNG XUYỀN(4)										
a	Kinh phí được giao tự chủ	13	351	1.375.000	1.375.000	0	0	0	0	1.375.000	0
b	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	14	271	3.298.085	3.298.085	0	0	0	0	3.298.085	0
2	Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chỉ tiết từng chương trình)										
3	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN(5)										

Ghi chú: Mẫu biểu sử dụng cho cả chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển.

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện.

(2) Dự toán năm trước chuyển sang, gồm: số dư dự toán và số dư tạm ứng năm trước được chuyển sang năm sau.

(3) Dự toán điều chỉnh là hiệu số giữa số bổ sung với số giảm dự toán trong năm; nếu dương thì ghi dấu cộng (+), nếu âm thì ghi dấu trừ (-).

(4) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

(5) Đối với chi đầu tư phát triển, số dư tạm ứng (chưa thanh toán) theo chế độ, được chuyển sang năm sau (không phải xét chuyển).

Ghi chú của KBNN:

Ngày 26 tháng 2 năm 2024

KBNN nơi giao dịch xác nhận về sử dụng dự toán của đơn vị

(Ghi rõ tổng số của các chỉ tiêu cột 5,9,10,11)

Tổng số dự toán năm được chỉ(cột 5): 4.673.085 đồng

Dự toán đã sử dụng đến 31/01 năm sau(cột 9): 0 đồng

Dự toán bị hủy(cột 10): 0 đồng

Số dư dự toán được chuyển nguồn sang năm sau(cột 11): 4.673.085 đồng

Người ký: Binh Cao Huy Ngày ký: 26/02/2024 10:46:18 Chức danh: Kế toán trưởng Đơn vị: VP KBNN Khánh Hòa

Binh Cao Huy

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Sinh viên Lê Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 23/02/2024 18:19:00
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Sơn, Trảng

Huỳnh Bình Thái

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Tháng 1 đến tháng 12 Năm 2024

Tên đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Địa chỉ: 220 Ngô Gia Tự - Nha Trang-Khánh Hòa

Đơn vị: đồng

Diễn giải		Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3714.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		89.953.066			
Phát sinh tăng trong kỳ		9.379.974.138			
Phát sinh giảm trong kỳ		9.170.069.940			
Số dư cuối kỳ		299.857.264			
Tài khoản:	3713.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		71.992.470			
Phát sinh tăng trong kỳ		1.630.089.980			
Phát sinh giảm trong kỳ		1.580.508.242			
Số dư cuối kỳ		121.574.208			
Tài khoản:	3731.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		0			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		0			
Tài khoản:	3511.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		5.165.574.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		5.063.352.000			
Số dư cuối kỳ		102.222.000			
Tài khoản:	3712.3.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		114.086.671			
Phát sinh tăng trong kỳ		5.621.568.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		5.679.559.029			
Số dư cuối kỳ		56.095.642			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 5 tháng 2 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 5 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Binh Cao Huy
Ngày ký: 05/02/2025 16:34:14
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KNSN Khanh Hoa

Binh Cao Huy

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 05/02/2025 15:52:17
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Hòa Trảng

Đoàn Thị Thoa

Người ký: Đàm Hải Vân
Ngày ký: 05/02/2025 15:52:17
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Hòa Trảng

Đàm Hải Vân

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 12 Năm 2024

Tên đơn vị: Ban quản lý Vịnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Địa chỉ: 220 Ngô Gia Tự - Nha Trang-Khánh Hòa

Đơn vị: đồng

Diễn giải		Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3714.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		160.881.916	0	0	
Phát sinh tăng trong kỳ		498.077.528	0	0	
Phát sinh giảm trong kỳ		359.102.180	0	0	
Số dư cuối kỳ		299.857.264	0	0	
Tài khoản:	3713.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		874.840.590	0	0	
Phát sinh tăng trong kỳ		26.900.000	0	0	
Phát sinh giảm trong kỳ		780.166.382	0	0	
Số dư cuối kỳ		121.574.208	0	0	
Tài khoản:	3731.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		0			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		0			
Tài khoản:	3511.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		26.668.000	0	0	
Phát sinh tăng trong kỳ		140.380.000	0	0	
Phát sinh giảm trong kỳ		64.826.000	0	0	
Số dư cuối kỳ		102.222.000	0	0	
Tài khoản:	3712.3.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		84.180.992	0	0	
Phát sinh tăng trong kỳ		66.715.000	0	0	
Phát sinh giảm trong kỳ		94.800.350	0	0	
Số dư cuối kỳ		56.095.642	0	0	

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày.....tháng.....năm....

Kế toán

Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày.....tháng.....năm....

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 11 Năm 2024

Tên đơn vị: Ban quản lý Vịnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Địa chỉ: 220 Ngô Gia Tự - Nha Trang-Khánh Hòa

Đơn vị: đồng

Diễn giải		Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3714.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		178.694.332			
Phát sinh tăng trong kỳ		519.353.776			
Phát sinh giảm trong kỳ		537.166.192			
Số dư cuối kỳ		160.881.916			
Tài khoản:	3713.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		811.322.050			
Phát sinh tăng trong kỳ		95.000.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		31.481.460			
Số dư cuối kỳ		874.840.590			
Tài khoản:	3731.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		0			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		0			
Tài khoản:	3511.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		26.668.000			
Phát sinh tăng trong kỳ		217.132.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		217.132.000			
Số dư cuối kỳ		26.668.000			
Tài khoản:	3712.3.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		40.158.983			
Phát sinh tăng trong kỳ		217.132.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		173.109.991			
Số dư cuối kỳ		84.180.992			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 12 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 3 tháng 12 năm 2024

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Hoa Hong bao
Ngày ký: 04/12/2024 15:56:18
Chức vụ: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KINH KINH HOA

Hoa Hong bao

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 03/12/2024 16:12:17
Đơn vị: Ban quản lý Vành Núi Trống

Đoàn Thị Thoa

Người ký: Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 03/12/2024 16:22:17
Đơn vị: Ban quản lý Vành Núi Trống

Huỳnh Bình Thái

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 10 Năm 2024

Tên đơn vị: Ban quản lý Vịnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Địa chỉ: 220 Ngô Gia Tự - Nha Trang-Khánh Hòa

Đơn vị: đồng

Diễn giải		Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3714.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		85.760.289			
Phát sinh tăng trong kỳ		516.357.320			
Phát sinh giảm trong kỳ		423.423.277			
Số dư cuối kỳ		178.694.332			
Tài khoản:	3713.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		819.222.050			
Phát sinh tăng trong kỳ		5.000.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		12.900.000			
Số dư cuối kỳ		811.322.050			
Tài khoản:	3731.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		0			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		0			
Tài khoản:	3511.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		22.668.000			
Phát sinh tăng trong kỳ		358.244.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		354.244.000			
Số dư cuối kỳ		26.668.000			
Tài khoản:	3712.3.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		164.039.362			
Phát sinh tăng trong kỳ		354.244.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		478.124.379			
Số dư cuối kỳ		40.158.983			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 11 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 11 năm 2024

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Hoa Hong bao
Ngày ký: 04/11/2024 10:10:17
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VPT EBSN Khanh Hoa

Hoa Hong bao

Người ký: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 02/11/2024 10:13:11
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Hòa Thuận

Đoàn Thị Thoa

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 02/11/2024 10:01:25
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Hòa Thuận

Huỳnh Bình Thái

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 9 Năm 2024

Tên đơn vị: Ban quản lý Vịnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Địa chỉ: 220 Ngô Gia Tự - Nha Trang-Khánh Hòa

Đơn vị: đồng

Diễn giải		Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3714.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		563.311.546			
Phát sinh tăng trong kỳ		387.763.608			
Phát sinh giảm trong kỳ		865.314.865			
Số dư cuối kỳ		85.760.289			
Tài khoản:	3713.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		773.696.750			
Phát sinh tăng trong kỳ		45.525.300			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		819.222.050			
Tài khoản:	3731.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		0			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		0			
Tài khoản:	3511.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		22.668.000			
Phát sinh tăng trong kỳ		415.148.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		415.148.000			
Số dư cuối kỳ		22.668.000			
Tài khoản:	3712.3.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		582.429.677			
Phát sinh tăng trong kỳ		415.148.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		833.538.315			
Số dư cuối kỳ		164.039.362			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 10 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 10 năm 2024

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Binh Cao Huy
Ngày ký: 02/10/2025 16:10:29
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KINH Doanh Nghiệp

Binh Cao Huy

Người ký: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 01/10/2024 16:33:22
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Phúc Trung

Đoàn Thị Thoa

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 02/10/2025 16:33:22
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Phúc Trung

Huỳnh Bình Thái

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Tháng 8 Năm 2024

Tên đơn vị: Ban quản lý Vịnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Địa chỉ: 220 Ngô Gia Tự - Nha Trang-Khánh Hòa

Đơn vị: đồng

Diễn giải		Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3714.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		726.841.077			
Phát sinh tăng trong kỳ		1.414.133.148			
Phát sinh giảm trong kỳ		1.577.662.679			
Số dư cuối kỳ		563.311.546			
Tài khoản:	3713.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		702.329.970			
Phát sinh tăng trong kỳ		701.366.780			
Phát sinh giảm trong kỳ		630.000.000			
Số dư cuối kỳ		773.696.750			
Tài khoản:	3731.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		0			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		0			
Tài khoản:	3511.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		181.178.000			
Phát sinh tăng trong kỳ		676.732.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		835.242.000			
Số dư cuối kỳ		22.668.000			
Tài khoản:	3712.3.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		520.157.826			
Phát sinh tăng trong kỳ		837.992.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		775.720.149			
Số dư cuối kỳ		582.429.677			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 9 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 6 tháng 9 năm 2024

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Binh Cao Huy
Ngày ký: 08/09/2024 14:22:06
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KHSN Khánh Hòa

Binh Cao Huy

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 08/09/2024 08:41:11
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Phú 12ab

Đoàn Thị Thoa

Người ký: Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 08/09/2024 08:42:32
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Phú 12ab

Huỳnh Bình Thái

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Tháng 7 Năm 2024

Tên đơn vị: Ban quản lý Vịnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Địa chỉ: 220 Ngô Gia Tự - Nha Trang-Khánh Hòa

Đơn vị: đồng

Diễn giải		Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3714.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		112.541.197			
Phát sinh tăng trong kỳ		1.190.335.919			
Phát sinh giảm trong kỳ		576.036.039			
Số dư cuối kỳ		726.841.077			
Tài khoản:	3713.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		702.329.970			
Phát sinh tăng trong kỳ		0			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		702.329.970			
Tài khoản:	3731.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		0			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		0			
Tài khoản:	3511.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		148.818.000			
Phát sinh tăng trong kỳ		845.980.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		813.620.000			
Số dư cuối kỳ		181.178.000			
Tài khoản:	3712.3.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		331.532.015			
Phát sinh tăng trong kỳ		1.366.327.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		1.177.701.189			
Số dư cuối kỳ		520.157.826			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 6 tháng 8 năm 2024

Kế toán Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
Ngày 5 tháng 8 năm 2024

Kế toán trưởng Chủ tài khoản

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Binh Cao Huy
Ngày ký: 05/08/2024 09:27:56
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP K/BSS Khanh Hoa

Binh Cao Huy

Người ký: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 05/08/2024 18:19:01
Đơn vị: Ban quản lý Vành đai 1 - Trảng

Đoàn Thị Thoa

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 05/08/2024 18:20:04
Đơn vị: Ban quản lý Vành đai 1 - Trảng

Huỳnh Bình Thái

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Tháng 6 Năm 2024

Tên đơn vị: Ban quản lý Vịnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Địa chỉ: 220 Ngô Gia Tự - Nha Trang-Khánh Hòa

Đơn vị: đồng

Diễn giải		Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3714.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		263.123.883			
Phát sinh tăng trong kỳ		1.003.978.304			
Phát sinh giảm trong kỳ		1.154.560.990			
Số dư cuối kỳ		112.541.197			
Tài khoản:	3713.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		705.937.070			
Phát sinh tăng trong kỳ		3.412.900			
Phát sinh giảm trong kỳ		7.020.000			
Số dư cuối kỳ		702.329.970			
Tài khoản:	3731.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		0			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		0			
Tài khoản:	3511.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		119.530.000			
Phát sinh tăng trong kỳ		514.918.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		485.630.000			
Số dư cuối kỳ		148.818.000			
Tài khoản:	3712.3.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		171.984.276			
Phát sinh tăng trong kỳ		486.500.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		326.952.261			
Số dư cuối kỳ		331.532.015			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 7 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 7 năm 2024

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Lê Thị Khanh Thuy02

Ngôn ngữ: Bình Cao Huy
Ngày ký: 02/02/2024 16:17:46
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP EBSN Kế toán Học

Bình Cao Huy

Ngôn ngữ: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 02/02/2024 16:01:42
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Mỹ, Long

Đoàn Thị Thoa

(Ký tên, đóng dấu)

Ngôn ngữ: Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 02/02/2024 16:08:33
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Mỹ, Long

Huỳnh Bình Thái

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Tháng 5 Năm 2024

Tên đơn vị: Ban quản lý Vịnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Địa chỉ: 220 Ngô Gia Tự - Nha Trang-Khánh Hòa

Đơn vị: đồng

Diễn giải		Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3714.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		340.219.392			
Phát sinh tăng trong kỳ		893.118.036			
Phát sinh giảm trong kỳ		970.213.545			
Số dư cuối kỳ		263.123.883			
Tài khoản:	3713.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		82.962.070			
Phát sinh tăng trong kỳ		630.000.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		7.025.000			
Số dư cuối kỳ		705.937.070			
Tài khoản:	3731.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		0			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		0			
Tài khoản:	3511.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		596.746.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		477.216.000			
Số dư cuối kỳ		119.530.000			
Tài khoản:	3712.3.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		231.455.347			
Phát sinh tăng trong kỳ		477.216.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		536.687.071			
Số dư cuối kỳ		171.984.276			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Le Thi Khanh Thuy02

Nguyen Ky Binh Cao Huy
Ngày ký: 03/06/2024 10:46:25
Chức danh: Kỹ thuật viên
Đơn vị: VP KINH KHANH HUY

Binh Cao Huy

Nguyen Ky Đoàn Thị Hoa
Ngày ký: 03/06/2024 02:26:05
Đơn vị: Ban quản lý vận hành

Đoàn Thị Thoa

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyen Ky Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 03/06/2024 06:22:15
Đơn vị: Ban quản lý vận hành

Huỳnh Bình Thái

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Tháng 4 Năm 2024

Tên đơn vị: Ban quản lý Vịnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Địa chỉ: 220 Ngô Gia Tự - Nha Trang-Khánh Hòa

Đơn vị: đồng

Diễn giải		Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3714.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		453.406.653			
Phát sinh tăng trong kỳ		642.633.228			
Phát sinh giảm trong kỳ		755.820.489			
Số dư cuối kỳ		340.219.392			
Tài khoản:	3713.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		88.262.070			
Phát sinh tăng trong kỳ		5.825.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		11.125.000			
Số dư cuối kỳ		82.962.070			
Tài khoản:	3731.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		0			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		0			
Tài khoản:	3511.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		134.106.000			
Phát sinh tăng trong kỳ		501.098.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		635.204.000			
Số dư cuối kỳ		0			
Tài khoản:	3712.3.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		195.052.583			
Phát sinh tăng trong kỳ		635.204.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		598.801.236			
Số dư cuối kỳ		231.455.347			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 27 tháng 5 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 24 tháng 5 năm 2024

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Binh Cao Huy
Ngày ký: 22/05/2024 09:12:57
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP.LBNN Khuất Hối

Binh Cao Huy

Người ký: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 24/05/2024 17:07:36
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Sơn, Lương

Đoàn Thị Thoa

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 24/05/2024 17:08:21
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Sơn, Lương

Huỳnh Bình Thái

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Tháng 3 Năm 2024

Tên đơn vị: Ban quản lý Vịnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Địa chỉ: 220 Ngô Gia Tự - Nha Trang-Khánh Hòa

Đơn vị: đồng

Diễn giải		Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3714.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		607.397.824			
Phát sinh tăng trong kỳ		838.921.850			
Phát sinh giảm trong kỳ		992.913.021			
Số dư cuối kỳ		453.406.653			
Tài khoản:	3713.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		90.562.470			
Phát sinh tăng trong kỳ		50.040.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		52.340.400			
Số dư cuối kỳ		88.262.070			
Tài khoản:	3731.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		0			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		0			
Tài khoản:	3511.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		95.878.000			
Phát sinh tăng trong kỳ		256.996.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		218.768.000			
Số dư cuối kỳ		134.106.000			
Tài khoản:	3712.3.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		311.861.584			
Phát sinh tăng trong kỳ		218.768.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		335.577.001			
Số dư cuối kỳ		195.052.583			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 5 tháng 4 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
Ngày 5 tháng 4 năm 2024

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Lê Thị Khanh Thuy02

Người ký: Minh07 Nguyễn Hà
Ngày ký: 05/04/2024 16:19:55
Cơ quan: Phòng Công nghệ
Đơn vị: VP. EHSN Khoa HC.

Minh07 Nguyễn Hà

Người ký: Đoàn Thị Hoa
Ngày ký: 05/04/2024 15:39:32
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Sinh Trang

Đoàn Thị Hoa

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 05/04/2024 15:10:11
Đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Sinh Trang

Huỳnh Bình Thái

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Tháng 2 Năm 2024

Tên đơn vị: Ban quản lý Vịnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Địa chỉ: 220 Ngô Gia Tự - Nha Trang-Khánh Hòa

Đơn vị: đồng

Diễn giải		Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3714.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		226.710.448			
Phát sinh tăng trong kỳ		873.250.618			
Phát sinh giảm trong kỳ		492.563.242			
Số dư cuối kỳ		607.397.824			
Tài khoản:	3713.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		79.012.470			
Phát sinh tăng trong kỳ		60.000.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		48.450.000			
Số dư cuối kỳ		90.562.470			
Tài khoản:	3731.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		0			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		0			
Tài khoản:	3511.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		47.928.000			
Phát sinh tăng trong kỳ		385.234.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		337.284.000			
Số dư cuối kỳ		95.878.000			
Tài khoản:	3712.3.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		121.730.384			
Phát sinh tăng trong kỳ		337.284.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		147.152.800			
Số dư cuối kỳ		311.861.584			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 5 tháng 3 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 4 tháng 3 năm 2024

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Le Thi Khanh Thuy02

Ngôn ngữ: Bình Cao Huy
Ngày ký: 08/02/2024 13:31:09
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KINH KHẨN HỌC

Bình Cao Huy

Ngôn ngữ: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 02/02/2024 18:43:59
Đơn vị: Ban quản lý Nhà Máy Trùng

Đoàn Thị Thoa

(Ký tên, đóng dấu)

Ngôn ngữ: Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 02/02/2024 18:43:59
Đơn vị: Ban quản lý Nhà Máy Trùng

Huỳnh Bình Thái

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Tháng 1 Năm 2024

Tên đơn vị: Ban quản lý Vĩnh Nha Trang

Mã ĐVQHNS: 1115657

Địa chỉ: 220 Ngô Gia Tự - Nha Trang-Khánh Hòa

Đơn vị: đồng

Diễn giải		Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3714.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		89.953.066			
Phát sinh tăng trong kỳ		602.050.803			
Phát sinh giảm trong kỳ		465.293.421			
Số dư cuối kỳ		226.710.448			
Tài khoản:	3713.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		71.992.470			
Phát sinh tăng trong kỳ		7.020.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		79.012.470			
Tài khoản:	3731.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		0			
Phát sinh giảm trong kỳ		0			
Số dư cuối kỳ		0			
Tài khoản:	3511.0.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		0			
Phát sinh tăng trong kỳ		256.966.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		209.038.000			
Số dư cuối kỳ		47.928.000			
Tài khoản:	3712.3.1115657.00000				
Số dư đầu kỳ		114.086.671			
Phát sinh tăng trong kỳ		209.038.000			
Phát sinh giảm trong kỳ		201.394.287			
Số dư cuối kỳ		121.730.384			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 22 tháng 2 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 22 tháng 2 năm 2024

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Le Thi Khanh Thuy02

Người ký: Minh07 Nguyen Ha
Ngày ký: 22/02/2024 14:58:00
Chức danh: Phó tổng phòng
Họ tên: VP KIBNN Khanh Hoa

Minh07 Nguyen Ha

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đoàn Thị Thoa
Ngày ký: 22/02/2024 10:52:43
Đơn vị: Ban quản lý Vườn Quốc gia

Đoàn Thị Thoa

Người ký: Huỳnh Bình Thái
Ngày ký: 22/02/2024 10:53:25
Đơn vị: Ban quản lý Vườn Quốc gia

Huỳnh Bình Thái

